

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02215** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Soạn thảo văn bản**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2253801011227	Nguyễn Thiện Tâm	12/02/1994			5	5	5.0	5.0			6.0		5.6
2	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988			9	9	8.0	9.0			7.0		7.7
3	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984			8	8	9.0	9.0			7.0		7.7
4	2253801011230	Nguyễn Thanh Tú	01/01/1988			5	5	5.0	5.0			0.0		2.0
5	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998			9	9	9.0	10.0			7.0		7.9
6	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980			8	8	8.0	10.0			6.0		7.1
7	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992			8	8	7.0	8.0			7.0		7.3
8	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982			5	6	5.0	6.0			7.0		6.4
9	2253801011548	Lê Thị Phương Thảo	23/06/1990			10	10	8.0	9.0			8.5		8.7
10	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979			8	10	8.0	9.0			7.0		7.7
11	2253801012870	Huỳnh Thị Mỹ Tiên	01/10/1982			9	6	9.0	6.0			6.0		6.6
12	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996			9	8	8.0	9.0			8.0		8.2
13	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993			8	9	9.0	9.0			7.0		7.7
14	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983			8	8	10.0	9.0			7.0		7.8
15	2253801013396	Võ Quốc Đông	18/09/1988			5	9	10.0	10.0			0.0		3.6
16	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992			7	7	5.0	9.0			7.0		7.0
17	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984			7	8	8.0	9.0			7.0		7.5
18	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990			10	10	10.0	9.0			0.0		3.9
19	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992			8	7	9.0	10.0			7.0		7.7
20	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996			8	6	8.0	10.0			7.0		7.5
21	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991			7	9	8.0	6.0			7.0		7.1

Châu Đốc, ngày 16 tháng 2 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Từ Cao Thanh Hà